

Bản án số: 29/2019/HNGĐ- ST;

Ngày: 08/07/2019;

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Truyền

2. Ông Trần Quốc Huy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 680/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXX- ST ngày 03 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Ngọc M, sinh năm 1975

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh M1, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường Đ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn ông Mai Ngọc M trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh M1 chung sống với nhau vào năm 1998 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, vợ chồng có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm theo giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01, ngày 09/11/1998.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại Khu phố 6, phường Đ được thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do ông không còn tin tưởng vợ. Ông nghi ngờ bà M1 có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Tuy chưa lần nào bắt được công khai nhưng ông vẫn nghĩ việc bà M1 ngoại tình là có thật vì có nhiều người đã nói với ông và những người trong gia đình ông về việc bà M1 có người đàn ông khác. Ông có hỏi bà M1 nhưng bà M1 cố tình giấu diếm, không thừa nhận và cũng không có thái độ tỏ ra thành khẩn. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn.

Hiện nay, vợ chồng ông đã sống riêng, ông về nhà cha mẹ ruột ở còn vợ ông và các con thì vẫn ở tại địa chỉ cũ. Cuối năm 2018, do vợ chồng quá căng thẳng nên ông đã nộp đơn ra tòa xin ly hôn nhưng do chưa có căn cứ để chứng minh nên ông đã rút đơn khởi kiện. Từ khi rút đơn khởi kiện đến nay, tình cảm vợ chồng cũng không hàn gắn được. Hiện ông đã suy nghĩ rất kỹ và thấy rằng tình cảm vợ chồng đã hết và không còn khả năng hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với vợ ông là bà Nguyễn Thị Thanh M1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Mai Diễm H, sinh năm: 1999 (Hiện đã trưởng thành) và Mai Diễm Q, sinh ngày: 04/02/2007. Nếu ly hôn ông đề nghị giao con chung Mai Diễm Q cho bà Nguyễn Thị Thanh M1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông sẽ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung & nợ chung: ông M không yêu cầu tòa án giải quyết.

-Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà hôm nay bà Nguyễn Thị Thanh M1 trình bày:

Bà xác nhận về thời gian chung sống và thời điểm đăng ký kết hôn như ông Mai Ngọc M trình bày là chính xác. Tuy nhiên, phần trình bày của ông M về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì bà thấy ông M nói chưa đúng sự thật.

Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến cách đây khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M nghi kỵ bà có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác vì vậy ông M nhiều lần chửi bới bà và gia đình bà. Ông M có mấy lần đánh bà nhưng không để lại thương tích. Sự việc ông M đánh bà công an phường Đ đã có lần đến can thiệp. Một lần bà chở con Mai Diễm Q đi nhà bạn chơi thì ông M tình cờ nhìn thấy và đã đánh ghen. Bà đã nhiều lần giải thích với ông M là không hề quan hệ ngoại tình với ai nhưng ông M vẫn không tin vì vậy cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, nặng nề hơn.

Đã khoảng 02 đến 03 năm nay do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn nên dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng bà đã không còn quan tâm đến nhau nữa: việc ai người đó làm, mạnh ai người đó sống. Bà cố gắng hàn gắn và giải thích với chồng nhưng ông M không nghe bà nói, do sợ xấu hổ nên bà không dám nhờ gia đình hai bên can thiệp mà chỉ âm thầm chịu đựng. Cách đây khoảng 06 tháng ông M khóa cửa không cho bà vào nhà nên bà đã trình báo lên công an phường

Đ và ông M nghe lời mẹ nên đã dọn về nhà cha mẹ ruột cũng tại Khu phố 6, phường Đ ở, còn bà và các con thì vẫn ở lại địa chỉ cũ.

Cuối năm 2018, ông M đã nộp đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn nhưng bà không đồng ý ly hôn và ông M không có chứng cứ nên ông M đã rút đơn kiện. Tại phiên tòa hôm nay bà không muốn các con bị tổn thương nên không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung tên Mai Diễm H, sinh năm: 1999 (Hiện đã trưởng thành) và Mai Diễm Q, sinh ngày: 04/02/2007. Nếu phải ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mai Diễm Q và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:*

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ông Mai Ngọc M được ly hôn Bà Nguyễn Thị Thanh M1.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao 01 con chung tên Mai Diễm Q, sinh ngày: 04/02/2007 cho bà Nguyễn Thị Thanh M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự túc được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện là “ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, được quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a, khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Ngọc M và Bà Nguyễn Thị Thanh M1 chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm. Theo giấy chứng

nhận kết hôn số: 94, quyển số 01, ngày 09/11/1998 của UBND phường Đ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Mai Ngọc M không còn tin tưởng vợ vì cho rằng bà Nguyễn Thị Thanh M1 có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác.

Tại phiên tòa hôm nay bà M1 cho rằng vẫn còn tình cảm với chồng và không muốn các con bị tổn thương nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chính bản thân bà M1 cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân đã lâu. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau: việc ai người đó làm, mạnh ai người đó sống.

Từ khi ông Mai Ngọc M dọn về nhà mẹ ruột ở đến nay hai bên không còn quan tâm thăm hỏi gì nhau nữa dù ở cùng nhau một khu phố. Điều đó thể hiện rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Mai Ngọc M và bà M1 là có thật. Thời điểm cuối năm 2018, ông Mai Ngọc M đã nộp đơn ra tòa xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện. Từ khi rút đơn khởi kiện đến nay, tình cảm vợ chồng giữa ông Mai Ngọc M và bà M1 cũng không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân do ông Mai Ngọc M cung cấp cho Tòa án có nội dung: “Hiện vợ chồng tôi đã mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không thể hàn gắn.” Ban quản lý khu phố 6 và Hội phụ nữ phường Đ đã xác nhận: “Đơn trình bày của ông Mai Ngọc M cư trú tại khu phố 6, phường Đ là đúng sự thật. Kính mong quý cấp xem xét giải quyết theo nguyện vọng của ông M”. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Mai Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thanh M1 đã thật sự gay gắt làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông Mai Ngọc M yêu cầu xin được ly hôn với bà Bà Nguyễn Thị Thanh M1 là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con cái: Vợ chồng có 02 con chung tên Mai Diễm H, sinh năm 1999 và Mai Diễm Q, sinh ngày 04/02/2007. Hiện con chung Mai Diễm H đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không đề cập tới. Đối với con chung Mai Diễm Q, sinh ngày 04/02/2007. Khi ly hôn ông Mai Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thanh M1 thống nhất giao con chung cho bà M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Cháu Mai Diễm Q đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng nếu ba mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ. Việc thỏa thuận giữa các đương sự về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thanh M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông Mai Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí mà ông Mai Ngọc M phải chịu là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát về quan hệ hôn nhân cũng như việc giải quyết con chung là phù hợp với các quy định tại các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 56; Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Mai Ngọc M được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh M1.

2. Về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con:

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao 01 con chung tên Mai Diễm Q, sinh ngày 04/02/2007 cho bà Nguyễn Thị Thanh M1 trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Mai Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Mai Diễm Q, sinh ngày 04/02/2007 mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: ông Mai Ngọc M phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Mai Ngọc M đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số: 0017757, ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Mai Ngọc M còn phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn ông Mai Ngọc M và bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M1. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 08/07/2019*).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. Phan Rang- TC;
- CC THADS TP.Phan Rang-TC;
- Các đương sự;
- UBND phường Đô Vinh;
- (GCNKH số: 94, quyển số: 01/1998
- Ngày 09/11/1998).
- Lưu HS +Án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng